

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chuẩn, đối tượng và điều kiện được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 105/TTr-SXD ngày 25 tháng 8 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn, đối tượng và điều kiện được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai và hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2017 và thay thế Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (để báo cáo);
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-BTP (để kiểm tra);
- TT. Tỉnh ủy. HĐND tỉnh (để biết);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội (để giám sát);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Lưu: VT, CH, MT (QĐ 6).TW

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Dương Thành Trung

QUY ĐỊNH

**Tiêu chuẩn, đối tượng và điều kiện được
mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về đối tượng được hưởng chính sách về nhà ở xã hội và điều kiện, tiêu chí để lựa chọn các đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế trong nước, nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia đầu tư phát triển nhà ở xã hội theo dự án để cho thuê, cho thuê mua, bán cho các đối tượng theo quy định của Luật Nhà ở.

2. Hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng nhà ở xã hội để cho thuê, cho thuê mua, bán cho các đối tượng theo quy định của Luật Nhà ở.

3. Các đối tượng được hỗ trợ về nhà ở được thuê, thuê mua, mua nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở.

4. Các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức khác có liên quan đến lĩnh vực nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

5. Quy định này không áp dụng trong việc quản lý sử dụng và bán, cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng bằng hình thức quy định tại Khoản 1, Điều 53 Luật Nhà ở và các trường hợp dự án phát triển nhà ở xã hội do ngành Quân đội, ngành Công an triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc chung trong việc lựa chọn đối tượng mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội

1. Việc lựa chọn đối tượng phải thực hiện theo nguyên tắc khách quan, bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng và đúng quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ quy trình xét duyệt, lựa chọn đối tượng được mua, thuê, thuê mua và việc công bố, công khai thông tin các dự án phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh.

3. Bảo đảm đúng đối tượng, đủ điều kiện theo Quy định này.

4. Trường hợp một đối tượng được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì chỉ được hưởng một chính sách hỗ trợ mức cao nhất; trường hợp các đối tượng

có cùng tiêu chuẩn và điều kiện thì đối tượng là người khuyết tật, dân tộc thiểu số, nữ giới được ưu tiên hỗ trợ trước.

5. Trường hợp hộ gia đình có nhiều đối tượng được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ thì chỉ áp dụng một chính sách hỗ trợ cho cả hộ gia đình.

6. Nghiêm cấm các hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái các quy định có liên quan đến việc xác nhận đối tượng, cũng như việc bán, cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC MUA, THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI

Điều 4. Đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội

1. Đối tượng được xét cho mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội:

a) Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;

b) Hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn;

c) Hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu;

d) Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị;

e) Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp;

g) Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân;

h) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;

i) Các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại Khoản 5, Điều 81 của Luật Nhà ở năm 2014;

k) Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở.

2. Đối tượng chỉ xét cho thuê nhà ở xã hội: Các đối tượng là học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề; học sinh trường dân tộc nội trú công lập được sử dụng nhà ở trong thời gian học tập, phải trả tiền thuê và các dịch vụ có liên quan trong quá trình sử dụng nhà.

Điều 5. Điều kiện được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội

1. Điều kiện khó khăn về nhà ở:

a) Trường hợp chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới mọi

hình thức tại nơi sinh sống, học tập (bao gồm cả vợ và chồng nếu đã đăng ký kết hôn) gồm:

- Chưa có nhà ở và đang phải ở nhờ, thuê, mượn nhà ở của người khác hoặc có nhà ở nhưng đã bị Nhà nước thu hồi đất để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và không được bồi thường bằng nhà ở, đất ở khác.

- Chưa được mua, thuê, thuê mua nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước hoặc nhà ở xã hội tại các dự án khác.

- Chưa được tặng nhà tình thương, nhà tình nghĩa.

b) Trường hợp đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng nhà ở chật chội hoặc bị hư hỏng, dột nát (nhà ở đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoặc nhà ở có đủ giấy tờ hợp lệ để được cấp Giấy chứng nhận theo quy định pháp luật về đất đai), cụ thể: Có nhà ở nhưng diện tích nhà ở bình quân của hộ gia đình dưới 10m² sàn/người và diện tích khuôn viên đất của nhà ở đó thấp hơn tiêu chuẩn diện tích đất tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định hiện hành về cấp phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Điều kiện về cư trú:

a) Phải có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bạc Liêu.

b) Trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì phải có đăng ký tạm trú từ một năm trở lên tại tỉnh Bạc Liêu (trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 4 của Quy định này); bản sao có chứng thực hợp đồng lao động có thời hạn từ một năm trở lên tính đến thời điểm nộp đơn hoặc hợp đồng không xác định thời hạn và giấy xác nhận (hoặc giấy tờ chứng minh) về việc có đóng bảo hiểm xã hội của cơ quan bảo hiểm tỉnh Bạc Liêu. Trường hợp đối tượng làm việc cho chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại tỉnh Bạc Liêu mà việc đóng bảo hiểm thực hiện tại địa phương nơi đặt trụ sở chính thì phải có giấy xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi đặt trụ sở chính về việc đóng bảo hiểm.

3. Điều kiện về thu nhập:

a) Đối với các đối tượng quy định tại Điểm e, g, h, Khoản 1, Điều 4 của Quy định này phải có giấy xác nhận của cơ quan, đơn vị mà người đó đang làm việc về mức thu nhập thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

b) Đối với đối tượng quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 4 của Quy định này tự kê khai về mức thu nhập của bản thân và chịu trách nhiệm về thông tin tự kê khai.

c) Trường hợp là hộ nghèo, cận nghèo thì phải thuộc diện nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

d) Đối với các đối tượng quy định tại Điểm a, i, k, Khoản 1 và Khoản 2, Điều 4 của Quy định này thì không yêu cầu phải đáp ứng điều kiện về thu nhập theo quy định tại Điều này.

4. Đối với trường hợp thuê mua nhà ở xã hội thì bên thuê mua phải nộp lần đầu 20% giá trị nhà ở và nộp phần còn lại theo định kỳ do bên cho thuê mua và bên thuê mua thỏa thuận, tính từ thời điểm bàn giao nhà ở đó; thời hạn thuê mua nhà ở xã hội tối thiểu là 05 năm, kể từ ngày bên cho thuê mua bàn giao nhà ở cho bên nhận thuê mua.

Chương III NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHÍ LỰA CHỌN ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MUA, THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI

Điều 6. Nguyên tắc, tiêu chí xét duyệt và thứ tự ưu tiên lựa chọn đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội

1. Nguyên tắc:

a) Trường hợp tổng số hồ sơ đăng ký mua, thuê, thuê mua (*hợp lệ*) bằng hoặc ít hơn tổng số căn hộ do chủ đầu tư công bố thì việc lựa chọn căn hộ thực hiện theo hình thức thỏa thuận giữa chủ đầu tư và khách hàng.

b) Trường hợp tổng số hồ sơ đăng ký mua, thuê, thuê mua (*hợp lệ*) nhiều hơn tổng số căn hộ do chủ đầu tư công bố thì việc xét duyệt, lựa chọn đối tượng phải thực hiện theo hình thức chấm điểm được quy định tại Khoản 2 Điều này.

Sau khi xét duyệt, lựa chọn đủ hồ sơ hợp lệ tương ứng với tổng số căn hộ do chủ đầu tư công bố thì việc xác định cụ thể từng căn hộ trước khi ký hợp đồng thực hiện theo nguyên tắc thỏa thuận giữa chủ đầu tư và khách hàng. Trường hợp có nhiều hồ sơ hợp lệ bằng điểm nhau vượt quá tổng số căn hộ được đầu tư thì chủ đầu tư tổ chức lựa chọn theo hình thức bốc thăm công khai.

c) Trường hợp người mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội không đạt được nhu cầu, nguyện vọng của mình tại dự án đã đăng ký thì được trả hồ sơ để đăng ký tại các dự án khác, nếu không muốn lựa chọn căn hộ khác còn lại trong dự án đó.

d) Mỗi hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội chỉ được nộp đơn đăng ký tại một dự án. Trong trường hợp dự án không còn quỹ nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua thì chủ đầu tư nêu rõ lý do và trả lại hồ sơ để người có nhu cầu nộp tại dự án khác.

2. Tiêu chí xét duyệt và thứ tự ưu tiên lựa chọn đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội:

a) Việc lựa chọn đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trong trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này thực hiện theo hình thức chấm điểm với thang điểm tối đa là 100 điểm và trên nguyên tắc thứ tự ưu tiên từ số điểm cao đến số điểm thấp, người có tổng số điểm cao hơn sẽ được ưu tiên giải quyết cho mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo quy định tại Điểm c, Khoản 2 Điều này.

b) Đối với các đối tượng đã trả lại nhà công vụ khi hết tiêu chuẩn được thuê nhà công vụ; hộ gia đình, cá nhân thuộc diện tái định cư mà chưa được bố trí đất ở hoặc nhà ở tái định cư thì được ưu tiên với điểm tối đa là 100 điểm.

c) Thang điểm được xác định trên cơ sở các tiêu chí cụ thể sau:

TT	Tiêu chí chấm điểm	Số điểm
1	<p>Tiêu chí khó khăn về nhà ở (điểm tối đa là 40):</p> <p>a) Trường hợp chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình và chưa được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, chưa được Nhà nước hỗ trợ nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức (bao gồm cả vợ và chồng nếu đã đăng ký kết hôn) gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có nhà ở và đang phải ở nhờ, thuê, mượn nhà ở của người khác hoặc có nhà ở nhưng đã bị Nhà nước thu hồi đất để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và không được bồi thường bằng nhà ở, đất ở khác. - Chưa được Nhà nước giao đất ở theo quy định của pháp luật về đất đai. - Chưa được mua nhà ở cũ thuộc SHNN hoặc mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội tại các dự án khác. - Chưa được tặng nhà tình thương, nhà tình nghĩa. <p>b) Trường hợp đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng nhà ở chật chội hoặc bị hư hỏng, đột nát (nhà ở đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoặc nhà ở có đủ giấy tờ hợp lệ để được cấp Giấy chứng nhận theo quy định pháp luật về đất đai) gồm: Có nhà ở nhưng diện tích nhà ở bình quân của hộ gia đình dưới 10m² sàn/người và diện tích khuôn viên đất của nhà ở đó thấp hơn tiêu chuẩn diện tích đất tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định hiện hành về cấp phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>40</p> <p>30</p>
2	<p>Tiêu chí về đối tượng (điểm tối đa là 40):</p> <p>a) Đối tượng 1: Quy định tại các Điểm a, i, k, Khoản 1, Điều 4 của Quy định này.</p> <p>b) Đối tượng 2: Quy định tại các Điểm e, g, h, Khoản 1, Điều 4 của Quy định này.</p> <p>c) Đối tượng 3: Quy định tại Điểm d, Khoản 1 và Khoản 2, Điều 4 của Quy định này.</p>	<p>40</p> <p>30</p> <p>20</p>
3	<p>Tiêu chí ưu tiên khác (điểm tối đa là 10):</p> <p>a) Hộ gia đình có từ 02 người trở lên thuộc đối tượng 2 và 3.</p> <p>b) Hộ gia đình có 01 người thuộc đối tượng 2 và có ít nhất 01 người thuộc đối tượng 3.</p> <p>c) Hộ gia đình có từ 02 người trở lên thuộc đối tượng 3.</p>	<p>10</p> <p>07</p> <p>04</p>

TT	Tiêu chí chấm điểm	Số điểm
4	Một số tiêu chí ưu tiên của tỉnh (điểm tối đa là 10):	
	a) Hộ gia đình là chồng, con của bà mẹ Việt Nam Anh hùng; vợ, chồng, con của liệt sỹ.	10
	b) Hộ gia đình cha, mẹ, vợ, con của thương binh, bệnh binh; bộ đội xuất ngũ.	08
	c) Hộ gia đình là người dân tộc thiểu số.	05
	d) Sinh viên tốt nghiệp đại học hệ chính quy từ loại khá trở lên; người có giữ các chức vụ chủ chốt từ lãnh đạo phòng của các cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.	05
	đ) Đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước có thời gian công tác từ 05 năm trở lên.	05

Ghi chú: Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được hưởng các tiêu chí ưu tiên khác nhau thì chỉ tính theo tiêu chí ưu tiên có thang điểm cao nhất.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Kiểm tra Danh sách các đối tượng dự kiến được giải quyết mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội do chủ đầu tư gửi đến theo đúng Quy định này.

2. Chủ trì, phối hợp cùng với các sở, ngành và đơn vị có liên quan đơn đốc, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội; đồng thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm về lựa chọn đối tượng.

3. Phối hợp với chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc công tác công bố, công khai thông tin các dự án phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh.

4. Chịu trách nhiệm xem xét, giải quyết những thắc mắc, khiếu nại của người thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo thẩm quyền và báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết đối với trường hợp vượt thẩm quyền.

5. Theo dõi, báo cáo tình hình mua bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh theo định kỳ (*hàng quý, 06 tháng, năm*) hoặc đột xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

Điều 8. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý người có nhu cầu mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội

Xác nhận về đối tượng, thực trạng nhà ở và mức thu nhập cho các đối tượng đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Quy định này trong nhân dân và các cơ quan nhà nước có liên quan trên địa bàn huyện.
2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tiếp nhận và xác nhận các thông tin có liên quan trong nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định.
3. Xác nhận về việc người có nhà, đất bị thu hồi mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở hoặc đất ở tái định cư.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Xác nhận về đối tượng, điều kiện cư trú, thực trạng nhà ở và các giấy tờ khác có liên quan đến việc mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo đúng quy định, bảo đảm tính xác thực, nhanh chóng và tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng khi có nhu cầu.
2. Công bố, công khai Quy định về đối tượng, điều kiện được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên các phương tiện truyền thanh của địa phương để các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu biết và thực hiện.
3. Cung cấp bản sao Hồ sơ đăng ký và Danh sách các đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội gửi về Sở Xây dựng để theo dõi, kiểm tra theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc thì các Sở, Ngành đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố kịp thời phản hồi về Sở Xây dựng để xem xét, giải quyết; trường hợp vượt thẩm quyền thì Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cho ý kiến chỉ đạo xử lý. /*pm*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Dương Thành Trung

Phục lục: CÁC MẪU ĐƠN VÀ MẪU HỢP ĐỒNG MUA, THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẠC LIÊU
(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

I. Các Mẫu đơn mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội:

Mẫu 1.1- Mẫu Giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở đối với đối tượng quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 4 của Quy định này để đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội do các thành phần kinh tế tham gia đầu tư.

Mẫu 1.2- Mẫu Giấy xác nhận về đối tượng, thực trạng nhà ở và điều kiện thu nhập đối với các đối tượng được quy định tại các Điểm d, e, g, h, Khoản 1 Điều 4 của Quy định này để đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội do các thành phần kinh tế tham gia đầu tư.

Mẫu 1.3- Mẫu Giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở đối với đối tượng được quy định tại Điểm I, Khoản 1, Điều 4 của Quy định này để đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội do các thành phần kinh tế tham gia đầu tư.

Mẫu 1.4- Mẫu Giấy xác nhận của UBND cấp huyện nơi đối tượng có nhà, đất bị thu hồi quy định tại Điểm k, Khoản 1, Điều 4 của Quy định này để đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội do các thành phần kinh tế tham gia đầu tư.

Mẫu 1.5- Mẫu giấy tự kê khai về điều kiện thu nhập đối với các đối tượng được quy định tại các Điểm e, g, h (trường hợp đã được nghỉ chế độ) và Điểm d Khoản 1, Điều 4 của Quy định này để đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội do các thành phần kinh tế tham gia đầu tư.

Mẫu 1.6- Mẫu giấy xác nhận về điều kiện thu nhập đối với các đối tượng được quy định tại các Điểm e, g, h, Khoản 1, Điều 4 của Quy định này để đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội do các thành phần kinh tế tham gia đầu tư.



Mẫu 1.1- Mẫu Giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở đối với đối tượng quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều 4 của Quy định này để đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội do các thành phần kinh tế tham gia đầu tư.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp xã [1]:

Họ và tên người đề nghị xác nhận:

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số

..... cấp ngày/...../..... tại

Nơi ở hiện tại:

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số tại

Là đối tượng có công với cách mạng (bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy tờ chứng minh về đối tượng kèm theo)

Thực trạng về nhà ở hiện nay như sau [2]:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình

- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10 m² sàn/người

- Có nhà ở nhưng đã bị hư hỏng khung, tường, mái nhà và diện tích khuôn viên đất của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh.

- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung – tường, mái)

- Có đất ở tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và diện tích khuôn viên đất phù hợp với quy hoạch xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất

- Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác

- Khó khăn về nhà ở khác[3] (ghi rõ nội dung)

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

....., ngày tháng năm

Người đề nghị xác nhận

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND cấp xã[4] về:

1. Ông/Bà là đối tượng có công với cách mạng
2. Về tình trạng nhà ở hiện tại của hộ gia đình:
3. Ông/Bà chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở của Nhà nước

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Ghi tên UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên của người đề nghị xác nhận.

² Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người viết đơn để đánh dấu vào 01 trong 07 ô cho phù hợp.

³ Những khó khăn về nhà ở không thuộc những khó khăn đã nêu.

⁴ UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.



Mẫu 1.2- Mẫu Giấy xác nhận về đối tượng, thực trạng nhà ở và điều kiện thu nhập đối với các đối tượng được quy định tại các Điểm d, e, g, h, Khoản 1, Điều 4 của Quy định này để đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội do các thành phần kinh tế tham gia đầu tư.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG, THỰC TRẠNG NHÀ Ở VÀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP

Kính gửi[1]:

Tên người đề nghị xác nhận:.....

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số
..... cấp ngày/...../.....tại

Nghề nghiệp

Nơi làm việc[2]:

Nơi ở hiện tại:.....

Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại[3]:

Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú)nơi cấp.....

Số thành viên trong hộ gia đình.....người.

Thuộc đối tượng[4]:

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình tôi như sau[5]:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình
- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10 m² sàn/người
- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung – tường, mái)
- Có nhà ở nhưng đã bị hư hỏng khung, tường, mái nhà và diện tích khuôn viên đất của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh.
- Có đất ở tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và diện tích khuôn viên đất phù hợp với quy hoạch xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh.
- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất
- Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác.
- Khó khăn về nhà ở khác[6] (ghi rõ nội dung).....

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi và hộ gia đình của tôi hiện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày tháng năm

Người viết đơn

(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoặc lãnh đạo UBND cấp xã[7] về:

1. Ông/Bà thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội
2. Về tình trạng nhà ở hiện tại của hộ gia đình [8]:
3. Ông/Bà và hộ gia đình là đối tượng không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan, đơn vị của người đề nghị xác nhận (nếu hộ gia đình có từ 02 người trở lên là đối tượng thuộc 02 cơ quan, tổ chức thì phải gửi đề nghị đến các cơ quan, tổ chức để được xác nhận). Trường hợp người đề nghị xác nhận đã nghỉ việc, nghỉ chế độ hoặc hành nghề tự do thì UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên chỉ xác nhận về thực trạng nhà ở, không phải xác nhận về điều kiện thu nhập.

² Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

³ Ghi địa chỉ theo sổ hộ khẩu thường trú hoặc ghi địa chỉ nơi đăng ký tạm trú của người đề nghị xác nhận.

⁴ Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (ví dụ như là cán bộ công chức, viên chức,...).

⁵ Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người đề nghị xác nhận để đánh dấu vào 01 trong 07 ô cho phù hợp.

⁶ Những khó khăn về nhà ở không thuộc các nội dung khó khăn đã nêu.

⁷ Trường hợp người đề nghị xác nhận đã nghỉ việc, nghỉ chế độ hoặc hành nghề tự do thì UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên chỉ xác nhận về thực trạng nhà ở, không xác nhận về điều kiện thu nhập.

⁸ Cơ quan xác nhận phải xác nhận rõ thực trạng của nhà ở là thuộc 01 trong 08 nội dung khó khăn về nhà ở mà người đề nghị xác nhận đã khai.

Mẫu 1.3- Mẫu Giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở đối với đối tượng được quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 4 của Quy định này để đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội do các thành phần kinh tế tham gia đầu tư.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở

Kính gửi [1]:

Họ và tên người đề nghị xác nhận:.....

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân).

số cấp ngày/...../..... tại

Nghề nghiệp:

Chức vụ:

Nơi làm việc [2]:

Nơi ở hiện tại [3]:.....

Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại:

Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú)nơi cấp.....

Số thành viên trong hộ gia đình.....người.

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình tôi như sau:

- Tôi đã trả lại nhà ở công vụ tại [4]:

- Hiện tại chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi trả lại nhà ở công vụ.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày thángnăm

Người viết đơn

(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan nơi đang làm việc/trước khi nghỉ hưu:

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý nhà ở công vụ của người đề nghị:

Ông/Bà chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi đã trả lại nhà ở công vụ

Ông/Bà đã trả lại nhà ở công vụ

(Ký tên, đóng dấu)

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan, đơn vị nơi người đề nghị xác nhận đang làm việc hoặc làm việc trước khi nghỉ hưu và cơ quan quản lý nhà ở công vụ của người đề nghị xác nhận.

² Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

³ Nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

⁴ Ghi rõ địa chỉ nhà ở công vụ đã trả.

Mẫu 1.4- Mẫu Giấy xác nhận của UBND cấp huyện nơi đối tượng có nhà, đất bị thu hồi quy định tại Điểm k Khoản 1 Điều 4 của Quy định này để đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội do các thành phần kinh tế tham gia đầu tư.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN
VỀ VIỆC CHƯA ĐƯỢC NHÀ NƯỚC BỒI THƯỜNG

Kính gửi[1]:

Họ và tên người đề nghị xác nhận[2]:.....

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)
số cấp ngày/...../.....tại

Nơi ở hiện tại:.....

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) sốtại.....

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình tôi như sau [3]:

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất.

- Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác.

Tôi (hoặc hộ gia đình) có nhà, đất bị thu hồi tại địa chỉ chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở tái định cư.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày thángnăm

Người đề nghị xác nhận

(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc người bị thu hồi nhà, đất chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở hoặc đất ở tái định cư

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi UBND cấp huyện nơi có nhà, đất bị thu hồi.

² Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

³ Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người đề nghị xác nhận để đánh dấu vào 01 trong 02 ô cho phù hợp.

Mẫu 1.5- Mẫu giấy tự kê khai về điều kiện thu nhập đối với các đối tượng được quy định tại các Điểm e, g, h (trường hợp đã nghỉ việc, nghỉ chế độ) và Điểm d, Khoản 1 Điều 4 của Quy định này để đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội do các thành phần kinh tế tham gia đầu tư.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY TỰ KHAI[1] VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP

Họ và tên người kê khai:

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số..... cấp ngày/...../.....tại

Nơi ở hiện tại[2]:.....

Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại [3].....

Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú)

nơi cấp

Số thành viên trong hộ gia đình[4]: người, bao gồm:

1. Họ và tên:CMND số là:.....

Nghề nghiệp: Tên cơ quan (đơn vị)

2. Họ và tên:CMND số là:.....

Nghề nghiệp: Tên cơ quan (đơn vị)

3. Họ và tên:CMND số là:.....

Nghề nghiệp: Tên cơ quan (đơn vị)

4. Họ và tên:CMND số là:.....

Nghề nghiệp: Tên cơ quan (đơn vị)

Thuộc đối tượng[5]:

Hộ gia đình của tôi có thu nhập thường xuyên không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập hàng tháng.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày thángnăm

Người viết đơn

(ký và ghi rõ họ tên)

1

Trong trường hợp cần thiết, Sở Xây dựng liên hệ với Cục thuế địa phương để xác minh.

2 Ghi địa chỉ nơi người kê khai đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú 01 năm trở lên.

3 Ghi địa chỉ theo sổ hộ khẩu thường trú của người kê khai hoặc ghi địa chỉ nơi đăng ký tạm trú.

4 Ghi rõ số lượng thành viên trong hộ gia đình và ghi rõ họ, tên mối quan hệ của từng thành viên với người kê khai.

5 Ghi rõ người kê khai thuộc đối tượng theo quy định được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (ví dụ như là cán bộ công chức, viên chức . . .).

Mẫu 1.6- Mẫu giấy xác nhận về điều kiện thu nhập đối với các đối tượng được quy định tại các Điểm e, g, h, Khoản 1, Điều 4 của Quy định này để đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội do các thành phần kinh tế tham gia đầu tư.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY KÊ KHAI VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP[1]

Họ và tên người kê khai:

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số
..... cấp ngày/...../..... tại

Nơi ở hiện tại[2]:.....

Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú)
tại [3].....

Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú)
nơi cấp

Số thành viên trong hộ gia đình[4]: người, bao gồm:

1. Họ và tên:CMND số là:.....

Nghề nghiệp: Tên cơ quan (đơn vị)

2. Họ và tên:CMND số là:.....

Nghề nghiệp: Tên cơ quan (đơn vị)

3. Họ và tên:CMND số là:.....

Nghề nghiệp: Tên cơ quan (đơn vị)

4. Họ và tên:CMND số là:.....

Nghề nghiệp: Tên cơ quan (đơn vị)

5. Họ và tên:CMND số là:.....

Nghề nghiệp: Tên cơ quan (đơn vị)

Thuộc đối tượng[5]:

Hộ gia đình của tôi có thu nhập thường xuyên không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập hàng tháng.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày tháng năm

Người viết đơn

(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi người đề nghị đang làm việc.

Ông/Bà là đối tượng không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên.

(Ký tên, đóng dấu)

- 1 Mẫu này chỉ áp dụng đối với trường hợp người kê khai đã được xác nhận về đối tượng và điều kiện để được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội trước ngày Thông tư số 20/2016/TT-BXD có hiệu lực thi hành nhưng chưa có xác nhận về điều kiện thu nhập.
- 2 Ghi địa chỉ nơi người kê khai đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú 01 năm trở lên.
- 3 Ghi địa chỉ theo sổ hộ khẩu thường trú của người kê khai hoặc ghi địa chỉ nơi đăng ký tạm trú.
- 4 Ghi rõ số lượng thành viên trong hộ gia đình và ghi rõ họ, tên mối quan hệ của từng thành viên với người kê khai.
- 5 Ghi rõ người kê khai thuộc đối tượng theo quy định được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (ví dụ như là cán bộ công chức, viên chức . . .).